

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 297/2024/HS-ST
Ngày: 17/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh .

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Cán bộ hưu trí.

2/ Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 257/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2024/QĐXXST-HS ngày 10/05/2024 và Thông báo dời lịch xét xử số: 497/TB-TA ngày 31/5/2024 đối với bị cáo:

- **Họ và tên: Danh D** (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 2005, tại tỉnh Kiên Giang; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ B, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Danh Q, sinh năm 1983 (còn sống) và bà Quách Thị T, sinh năm 1982 (còn sống); Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 06/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

(Bị cáo có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Danh Dinh là người sử dụng trái phép chất ma túy. Vào khoảng 15 giờ ngày 06/01/2024, D điều khiển xe mô tô biển số 60FN-7944 đi đến khu vực cây xăng D1 thuộc xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai mua của người đàn ông tên Q1 (không rõ lai lịch) 07 gói ma túy tổng hợp (07 đoạn ống nhựa hàn kín bên trong có chứa ma túy) với giá 800.000đồng (T1 trăm nghìn đồng) mục đích để sử dụng. Sau đó, D cất giấu số ma túy nêu trên vào túi quần phía trước bên phải D đang mặc và điều khiển xe đi về.

Khi D đi đến khu vực ngã tư “Thiết Giáp” thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì gặp Trần Ngọc B (sinh năm 1998, thường trú tại khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là bạn của D), B nhờ D chở đi đến xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai, D đồng ý. Khi D điều khiển xe mô tô biển số 60FN-7944 chở B đến địa chỉ nêu trên, D đứng ngoài đợi, B đi bộ vào hẻm. Khoảng 10 phút sau, B đi ra và nói D chở B đi về.

Đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, khi D chở B đi đến khu vực thuộc tổ B, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì bị Công an phường T kiểm tra phát hiện Dinh cất giấu 07 đoạn ống nhựa hàn kín bên trong có chứa ma túy tổng hợp (hàng đá) trong túi quần phía trước bên phải D đang mặc. Ngoài ra, Công an phường T còn phát hiện Bắc cất giấu 12 đoạn ống nhựa hàn kín và 01 gói nilon hàn kín bên trong đều chứa ma túy tổng hợp (hàng đá) trong túi quần phía trước bên phải B đang mặc với mục đích để sử dụng. D không biết B tàng trữ số ma túy nêu trên và B cũng không biết D mua ma túy cất giấu để sử dụng. Tại Cơ quan điều tra, Danh D khai nhận hành vi phạm tội như trên.

* Vật chứng thu giữ:

- 07 đoạn ống hút hàn kín hai đầu bên trong chứa chất tinh thể màu trắng
- 01 xe mô tô biển số 60FN-7944, số máy: VTT21YX1P39FMB001078, số khung: RRKWCB2UM7XF01078. D khai đã mượn của người thanh niên tên T2 (không rõ lai lịch), T2 không biết D mượn xe sử dụng đi mua túy.

- Qua xác minh, 01 xe mô tô biển số 60FN-7944 do anh Nguyễn Tấn L (sinh năm 1991, thường trú tại 100/18, tổ C, khu phố A, phường T, thành phố B,

tỉnh Đồng Nai) đăng ký sở hữu. Anh L không sinh sống tại địa chỉ nêu trên nên chưa làm việc được. Do chưa làm rõ được nguồn gốc xe đã thu giữ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

* Về các vấn đề khác của vụ án: Tại Kết luận giám định số 55/KL-KTHS ngày 11/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

- Mẫu chất tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,664 gam, loại: Methamphetamine.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã nhận tội theo như nội dung cáo trạng mô tả và không có ý kiến hay khiếu nại kết luận giám định nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số: 266/CT-VKSBH- HS ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Danh D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Danh D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” xử phạt bị cáo Danh D mức án từ 16 tháng đến 20 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ khối lượng ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu giữ sau giám định.

- Đối với đối tượng tên Q1 (chưa rõ nhân thân lai lịch) bán ma túy cho Danh D, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Đối với Trần Ngọc B, khi B nhờ D chở đi công việc D không biết B đi mua và cất giấu ma túy. Việc B cất giấu ma túy để sử dụng hoàn toàn độc lập với hành vi của D nên Cơ quan điều tra đã khởi tố và xử lý đối với Trần Ngọc B riêng trong vụ án “Tàng trữ trái phép chất ma túy” khác.

- 01 xe mô tô biển số 60FN-7944 do anh Nguyễn Tấn L (sinh năm 1991, thường trú tại 100/18, tổ C, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) đăng ký sở hữu. Anh L không sinh sống tại địa chỉ nêu trên nên chưa làm việc

được. Do chưa làm rõ được nguồn gốc xe đã thu giữ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Danh D đã khai nhận: Vào lúc 15 giờ 20 phút ngày 06/01/2024, tại địa chỉ thuộc tổ B, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Danh D có hành vi tàng trữ trái phép 0,664 gam ma túy loại Methamphetamine thì bị Công an phường T kiểm tra phát hiện bắt quả tang và chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B điều tra xử lý. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Danh D đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) như nội dung bản cáo trạng số: 266/CT-VKSBH ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và là một trong những nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác. Bản thân bị cáo biết rõ việc tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn vi phạm. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly

bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có;

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi lượng hình phạt đối với bị cáo, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo điều đó cho thấy bị cáo Danh D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ tại hồ sơ cho thấy bị cáo không có thu nhập và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy còn lại sau giám định.

(Biên bản giao nhận vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa ngày 09/5/2024).

[7] Về vấn đề khác:

- Đối với đối tượng tên Q1 (chưa rõ nhân thân lai lịch) bán ma túy cho Danh D, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

- Đối với Trần Ngọc B, khi B nhờ D chở đi công việc D không biết B đi mua và cất giấu ma túy. Việc B cất giấu ma túy để sử dụng hoàn toàn độc lập với hành vi của D nên Cơ quan điều tra đã khởi tố và xử lý đối với Trần Ngọc B riêng trong vụ án “Tàng trữ trái phép chất ma túy” khác là phù hợp.

- 01 xe mô tô biển số 60FN-7944 do anh Nguyễn Tấn L (sinh năm 1991, thường trú tại 100/18, tổ C, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) đăng ký sở hữu. Anh L không sinh sống tại địa chỉ nêu trên nên chưa làm việc được. Do chưa làm rõ được nguồn gốc xe đã thu giữ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Danh D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Danh D: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- Tịch thu tiêu huỷ :Toàn bộ khối lượng ma túy còn lại sau giám định.

(Biên bản giao nhận vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa ngày 09/5/2024).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Công an T (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo (1);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Quỳnh